

**TCVN**

**TIÊU CHUẨN QUỐC GIA**

**TCVN 6926 : 2001**

**NGUYÊN LIỆU ĐỂ SẢN XUẤT THỦY TINH XÂY DỰNG –  
ĐÔLÔMÍT**

*Raw materials for producing construction glass – Dolomite*

**HÀ NỘI - 2008**



## Lời nói đầu

**TCVN 6926 :2001** do Ban Kỹ thuật tiêu chuẩn TCVN/TC 189  
“Sản phẩm gổm xây dựng”

Hoàn thiện trên cơ sở dự thảo của Viện Khoa học Công nghệ Vật liệu xây dựng, Bộ Xây dựng đề nghị, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo Lường Chất Lượng xét duyệt, Bộ Khoa học , Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) ban hành.

Tiêu chuẩn này được chuyển đổi năm 2008 từ Tiêu chuẩn Việt Nam cùng số hiệu thành Tiêu chuẩn Quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 1/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.



## **Nguyên liệu để sản xuất thủy tinh xây dựng – Đolômít**

*Raw materials for producing construction glass – Dolomite*

### **1 Phạm vi áp dụng**

Tiêu chuẩn này áp dụng cho đolômít dạng cục (ĐC) và dạng bột (ĐB) sau khi gia công được sử dụng làm nguyên liệu để sản xuất thủy tinh xây dựng.

### **2 Tiêu chuẩn trích dẫn**

TCVN 141 : 1998 Xi măng – Phương pháp phân tích hoá học.

TCVN 6927 : 2001 Nguyên liệu để sản xuất sản phẩm gốm xây dựng – Thạch anh.

### **3 Yêu cầu kỹ thuật**

3.1 Các chỉ tiêu kỹ thuật của đolômít để sản xuất thủy tinh xây dựng được quy định ở bảng 1.

3.2 Không cho phép có tạp chất nhìn thấy được bằng mắt thường như: tạp chất hữu cơ, đá khác...

### **4 Phương pháp thử**

#### **4.1 Đolômít cục**

##### **4.1.1 Lấy mẫu**

##### **4.1.1.1 Lấy mẫu để xác định kích thước cục**

Mẫu thử được lấy theo lô. Lô là lượng đolômít cùng một loại, được lấy từ cùng một mỏ, với khối lượng không lớn hơn 100 tấn.

Mẫu được lấy ngẫu nhiên ở từ 10 đến 20 điểm, mỗi điểm lấy khoảng 10 cục, sao cho mẫu này đại diện được cho cả lô.

**Bảng 1 - Các chỉ tiêu kỹ thuật của đolômít**

Tên các chỉ tiêu	Mức			
	ĐC-1	ĐC-2	ĐB-1	ĐB-2
1. Hàm lượng magiê oxit (MgO), %, không nhỏ hơn	19	17	19	17
2. Hàm lượng canxi oxit (CaO), %, không lớn hơn	32	34	32	34
3. Hàm lượng sắt oxit (Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub> ), %, không lớn hơn	0,15	0,25	0,2	0,3
4. Độ ẩm, %, không lớn hơn	–		0,5	
5. Kích thước:				
– dạng cục, lớn hơn 150 mm	–		–	
– lượng lọt qua sàng có kích thước lỗ 10 mm, %, không lớn hơn	10		–	
– lượng còn lại trên sàng có kích thước lỗ 1 mm, %, không lớn hơn	–		5	
– lượng lọt qua sàng có kích thước lỗ 0,1 mm, %, không lớn hơn	–		10	

Chú thích – Các ký hiệu ở bảng 1:

- ĐC-1: Đolômít cục, loại 1
- ĐC-2: Đolômít cục, loại 2
- ĐB-1: Đolômít bột, loại 1
- ĐB-2: Đolômít bột, loại 2.

#### 4.1.1.2 Lấy mẫu để xác định thành phần hoá học

Mẫu đã lấy theo điều 4.1.1.1 được đập nhỏ sao cho khối lượng cục không lớn hơn 50 g. Sau đó trộn đều mẫu và rút gọn mẫu theo phương pháp chia tư để có khối lượng khoảng 4 kg.

Mẫu (4 kg) được nghiền (trong máy begun hay trục cán) đến kích thước nhỏ hơn 1 mm. Dùng phương pháp chia tư rút gọn mẫu đến khi còn khoảng 0,1 kg. Sau đó chia đều mẫu thành hai phần bằng nhau, một phần để thí nghiệm, phần còn lại bảo quản trong lọ thuỷ tinh hoặc túi PE để làm mẫu lưu. Thời gian lưu mẫu không quá 2 tháng. Trên nhãn bao bì chứa mẫu lưu ghi rõ:

- tên và địa chỉ cơ sở sản xuất;
- ngày và địa điểm lấy mẫu;
- tên người chuẩn bị mẫu.

#### 4.1.2 Xác định các chỉ tiêu

##### 4.1.2.1 Xác định kích thước cục

Dùng thước đo (có vạch chia đến milimét) để đo kích thước lớn nhất của tất cả các mẫu đã lấy theo 4.1.1.1.

4.1.2.2 Xác định hàm lượng các oxit: MgO, CaO, Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub> theo TCVN 141 : 1998.

#### 4.2 Đôlômít bột

##### 4.2.1 Lấy mẫu

Đôlômít bột đóng gói trong bao, thùng được lấy mẫu bằng quả lấy mẫu từ điểm bất kỳ. Khối lượng mẫu lấy không nhỏ hơn 0,1 kg. Số bao được lấy mẫu là 4 % trong tổng số bao. Mẫu đã lấy được tập hợp thành mẫu chung. Sau khi trộn đều, dùng phương pháp chia tư để rút gọn mẫu đến khi còn khoảng 0,1 kg, chia đều thành hai phần bằng nhau. Một phần đem thí nghiệm, một phần làm mẫu lưu. Thời gian lưu mẫu và nhãn ghi trên bao chứa mẫu theo 4.1.1.2.

##### 4.2.2 Xác định cỡ hạt

Dùng sàng có kích thước lỗ 0,1 mm và 1mm, tiến hành xác định theo TCVN 6927 : 2001.

4.2.3 Xác định độ ẩm theo TCVN 6927 : 2001.

4.2.4 Xác định hàm lượng các oxit MgO, CaO, Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub> theo TCVN 141 : 1998.

### 5 Bao gói, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản

5.1 Đôlômít cục được nhập theo lô kèm theo phiếu xác nhận chất lượng với nội dung:

- tên và địa chỉ cơ sở sản xuất;
- tên, loại sản phẩm;
- các kết quả thí nghiệm;
- khối lượng lô, số phiếu và ngày xuất.

5.2 Đôlômít bột phải được đóng trong bao giấy, hoặc trong bao có lớp polietylen chuyên dụng. Khối lượng tịnh của một bao là 50 kg ± 1 kg. Ngoài các nội dung về ghi nhãn theo qui định pháp lý hiện hành, trên bao ghi rõ:

## TCVN 6926: 2001

- tên và địa chỉ cơ sở sản xuất;
- tên và khối lượng sản phẩm;
- ngày xuất hàng;
- các kết quả thí nghiệm.

5.3 Đôlômít được vận chuyển bằng các phương tiện phù hợp với các qui định về vận chuyển hàng hoá, đảm bảo vệ sinh công nghiệp.

Đôlômít cục có thể được vận chuyển trên các phương tiện hở.

Đôlômít nghiền mịn không đóng bao được vận chuyển bằng xe xitéc chuyên dụng theo thoả thuận.

5.4 Đôlômít được bảo quản riêng trong kho có mái che hoặc silô theo từng loại, không lẫn với các loại vật liệu khác.